TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bạch Đình Ca;

Ông Hoàng Năng Long;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Thị Nhưng, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Hđơk Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Khánh L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

* *Bị đơn:* Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Vũ Thị Khánh L trình bày:

Bà Vũ Thị Khánh L (nguyên đơn) và ông Trần Mạnh T (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 14/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá trình chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt

đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn không có con chung.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn trình bày đã được công chứng thực chữ ký bị đơn ông Trần Mạnh T trình bày:

Ông T đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Vũ Thị Khánh L, ông T và bà L không có con chung, không có tài sản và nợ chung. Đồng thời, do bận công việc không thể có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên đề nghị Tòa án cho phép được vắng mặt trong quá trình giải quyết và phiên tòa xét xử vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi năm 2025; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị Khánh L. Cho bà Vũ Thị Khánh L được ly hôn với ông Trần Mạnh T.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Vũ Thị Khánh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Trần Mạnh T có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 238

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 14/12/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, bị đơn và nguyên đơn thường cãi vả, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất ly hôn với nhau. Vì vậy, căn cứ tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị Khánh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Mạnh T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Khánh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị Khánh L và ông Trần Mạnh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không

xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Khánh L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001949 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà L đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định